TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1009/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Phương Trang.

Ông Lê Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1765/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 298A đường Q, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Mai Huyền T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số 298A đường Q, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 20/11/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: ông và bà Mai Huyền T quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số

36 ngày 04/5/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên hay cự cãi nhau. Bà T thường xuyên bỏ nhà đi vắng, không chăm lo cho chồng con. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông với bà T không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, không thể tiếp tục kéo dài đời sống chung, đến nay tình cảm không còn nên ông Đ yêu cầu ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 02/02/2016. Ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Mai Huyền T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật dân sự như: thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ các Điều 51, 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Mai Huyền T. Bị đơn bà Mai Huyền T cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam cấp ngày 04 tháng 5 năm 2015 xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà T là hợp pháp.

Ông Đ xác định không còn tình cảm với bà T, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên hay cãi vã, cả hai đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông Đ và bà T đã sống ly thân hơn một năm và mỗi người đều đã có cuộc sống riêng.

Bà Mai Huyền T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không đến Tòa để tham gia các buổi hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của ông Đ và bà T đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà T phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Đ xác nhận ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 02/02/2016 và đang sống cùng với ông Đ. Bà T không có ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông Đ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông Đ không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Ông Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57, 58, 69, 71, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Mai Huyền T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam cấp ngày 04 tháng 5 năm 2015 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 02/02/2016 cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông Đ không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Ông Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0064376 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đ đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Minh Tâm